

Số/No:.....26/TN5/0815-01,02,03

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Mỹ Lộc.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 07/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

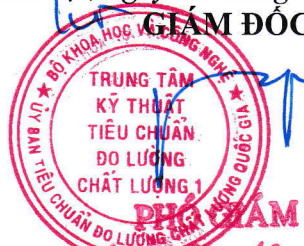
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M01)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Thị Mai Lý - Địa chỉ: Tổ dân phố Thọ, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M02)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Vũ Văn Khánh - Địa chỉ: Tổ dân phố Nam Khánh, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M03)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-04,05,06

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Liên Bảo.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 07/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M04)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Phạm Gia Long - Địa chỉ: Xóm Phạm, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M05)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Trần Đắc Súc - Địa chỉ: Xóm Vụ Nữ, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M06)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-07,08,09

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Đại Thắng.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 06/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M07)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Thị Mĩ - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M08)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Phạm Thị Hoa - Địa chỉ: Thôn Đồng Hòa, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M09)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-10,11,12,13

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Trạm cấp nước Yên Lộc.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 06/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

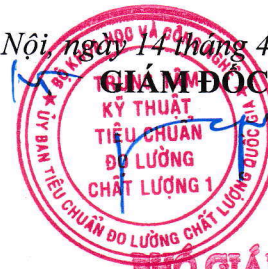
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M10)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Đức Quang - Địa chỉ: Thôn Phúc Lâm, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M11)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Tạ Văn Lục - Địa chỉ: Thôn Tam Quang, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M12)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Khôi - Địa chỉ: Thôn Nguồn, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M13)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-14,15,16

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Trạm cấp nước Yên Quang.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 06/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M14)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Duy Tình - Địa chỉ: Xóm Lục Ngô Xá 2, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M15)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Mai Khắc Trịnh - Địa chỉ: Thôn Mễ Thượng, xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M16)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-17,18,19

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nghĩa An.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 06/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M17)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)*
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Xuân Be - Địa chỉ: Thôn Giang Đậu, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M18)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đỗ Văn Trung - Địa chỉ: Thôn Thượng, xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M19)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



NGƯỜI GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-20,21,22

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nam Dương.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 06/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M20)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Minh Quân - Địa chỉ: Thôn Tây Đàm, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M21)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Vũ Văn Thám - Địa chỉ: Xóm 5, Bái Dương, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M22)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-23,24,25

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nghĩa Hưng.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 07/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M23)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Văn Tám - Địa chỉ: Thôn 10 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M24)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Tuấn Nghĩa - Địa chỉ: Thôn Nam Phú, thị trấn Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M25)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-26,27,28

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Quý Nhát.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 07/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M26)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	$< 0,010$
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Văn Lý - Địa chỉ: Xóm An Ninh Tây, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M27)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	$< 0,010$
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Lại Thị Nhiệm - Địa chỉ: Thôn 6, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M28)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	$< 0,010$

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-29,30,31

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Hải Toàn.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 07/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M29)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Ngọc Tuấn - Địa chỉ: Xóm 8, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M30)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đỗ Ngọc Khá - Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M31)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



NGUYỄN NGỌC CHÂM

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-32,33,34

Trang/Page:.....1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Yên Định.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 08/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M32)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003) *
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Thị Lượ - Địa chỉ: Thôn 7 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M33)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Hải - Địa chỉ: Thôn 5 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M34)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

GIAM ĐOC
TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1
ĐỐC CHAM ĐOC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-35,36,37,38

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Chi nhánh cấp nước Giao Thủy.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 08/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M35)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Đoãn Thành Văn - Địa chỉ: Thôn Hoàn Độ Bắc, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M36)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – điểm trung gian trên mạng lưới cấp nước (Lê Kiên Cường - Địa chỉ: Thôn Thanh Giáo, xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M37)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Hậu - Địa chỉ: Thôn Tân Châu, xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M38)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-39,40,41

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Xuân Tân.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 08/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

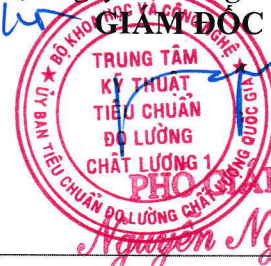
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M39)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Khắc Cường - Địa chỉ: Thôn 36, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M40)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Tống Xuân Dự - Địa chỉ: Thôn 33, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M41)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/0815-42,43,44,45

Trang/Page:.....1/1....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Xuân Trường.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
3. Ngày lấy mẫu: 08/04/2026.
4. Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/04/2026 đến ngày 14/04/2026.
6. Ngày hoàn thành: 14/04/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/0815-M42)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Phạm Văn Luyện - Địa chỉ: Thôn 42, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M43)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Hoàng Văn Cát - Địa chỉ: Thôn 42, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M44)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Vũ Ngọc Lâm - Địa chỉ: Xóm 2, Xuân Vinh, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/0815-M45)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.